

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 54/2026/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Vị

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ tham gia phiên tòa: Trần Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2026/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Hoàng Hà V, sinh năm 1996 (vắng mặt)

-Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1997 (có mặt)

Đều cư trú: thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết chị Hoàng Hà V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T ngày 06/12/2022 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị về làm ăn chung sống tại thôn H, xã T cùng bố mẹ anh T ngay. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khoảng thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng dần nứt vỡ mâu thuẫn kéo dài và trở nên trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023, hiện đang ở cùng anh **T**. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân văn phòng thu nhập từ 10.500.000đ đến 11.500.000đ/tháng

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Ngọc T** trình bày: Anh kết hôn với chị **Hoàng Hà V** ngày 06/12/2022 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ)**. Sau khi kết hôn chị **V** về làm ăn chung sống với gia đình anh ngay. Sau đó vợ chồng về nhà chị **V** ở khoảng một năm lại quay về nhà anh ở. Quá trình chung sống đến tháng 3/2026 phát sinh mâu thuẫn nhỏ vợ chồng không cãi nhau chị **V** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Anh và gia đình gọi điện nhắc tin nhưng chị không về không nghe và cũng không hòa giải. Quá trình giải quyết anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống. Tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị **V** xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023, hiện đang ở cùng anh. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi con và không yêu cầu chị **V** cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang làm công ty thu nhập từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng.

Qua xác minh tại **UBND xã T**: Chị **Hoàng Hà V** kết hôn với anh **Nguyễn Ngọc T** ngày 06/12/2022 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ)**. Sau khi kết hôn chị **V** về chung sống cùng gia đình anh **T** ngay. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được. Nghe dư luận địa phương anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Về con chung vợ chồng có một con chung **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023 hiện đang ở cùng anh **T**. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì. Nay anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Hà V**. Xử cho chị **Hoàng Hà V** và anh **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Hà V** trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023, hiện đang ở cùng anh **T**. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **V**. Anh **T** có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị **V** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị **Hoàng Hà V** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Nguyễn Ngọc T**, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **xã T, tỉnh Phú Thọ**. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Hoàng Hà V** có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Hoàng Hà V** và anh **Nguyễn Ngọc T** là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ)**. Theo chị **V** nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm dần nứt kéo dài. Nay chị **V** xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh **T**. Anh **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị **V**.

Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị **V** và anh **T** đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị **V** là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023, hiện đang ở cùng anh **T**. Ly hôn cả hai đều xin nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **V** và anh **T** thu nhập đều đảm bảo nuôi con, hiện cháu **T1** còn nhỏ cần có sự

chăm sóc của mẹ, để bảo vệ quyền lợi cho con chưa thành niên và người phụ nữ khi ly hôn, nên giao cháu **T1** cho chị **V** nuôi dưỡng. Việc chị **V** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị **V**, anh **T** không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **V** tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị **Hoàng Hà V** và anh **Nguyễn Ngọc T** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Hà V** trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Thanh T1**, sinh ngày 25/11/2023, hiện đang ở cùng anh **T**. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **V**. Anh **T** có quyền thăm nom con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị **Hoàng Hà V** tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004037 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại chị **V** 150.000đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11-Phú Thọ;
- Cơ quan THA tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- UBND xã Tiên Lữ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huệ